

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Môn Logic học

ĐỀ TÀI: Quy nạp và các lỗi logic trong suy luận quy nạp
thông qua các tình huống thực tế.

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Ngọc Sơn

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060198

Hà nội, ngày 17 tháng 07 năm 2020

MỤC LỤC

_Toc45616693

MỞ ĐẦU	2
1. Tính cấp thiết của đề tài:	2
2. Mục đích nghiên cứu:	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:	3
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn:.....	3
NỘI DUNG	4
Phần 1: Phần lý luận:	4
1.1 Bản chất, vai trò và cấu tạo của quy nạp.	4
1.2. Phân loại quy nạp.....	5
1.3. Các phương pháp nghiên cứu quy nạp.	7
1.4. Các lỗi trong suy luận quy nạp.....	8
Phần 2. Phần liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân	8
2.1 Liên hệ thực tế:.....	8
2.2 Liên hệ bản thân:.....	10
KẾT LUẬN	11

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Trong logic học hình thức, suy luận được coi là một trong những hình thức cơ bản của tư duy, đồng thời cũng là một thao tác tư duy quan trọng mà nhờ đó con người có thể rút ra được những tri thức mới từ những tri thức đã biết. Bởi thế, hầu hết các tri thức mà nhân loại có được là nhờ vào con đường suy luận. Đặc biệt là suy luận quy nạp, nó có vai trò quan trọng trong các khoa học thực nghiệm, chẳng hạn như sinh vật học, vật lý học, hoá học, xã hội học, tâm lý học, ... Ngay cả trong toán học, ngành khoa học bao giờ cũng sử dụng diễn dịch để chứng minh các định lý của mình, thì suy luận quy nạp cũng có một vị trí quan trọng. Có nhiều kết luận được các nhà toán học tìm ra nhờ sử dụng suy luận quy nạp, và chỉ sau đó họ mới chứng minh chúng bằng diễn dịch. Đồng thời suy luận quy nạp cũng có các lỗi logic cần phải khắc phục. Do đó, để làm rõ vai trò cũng như các lỗi logic trong suy luận quy nạp, em xin chọn đề tài: *“Quy nạp và các lỗi logic trong suy luận quy nạp thông qua các tình huống thực tế”* làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu:

Đề tài sẽ làm rõ vấn đề:

- Bản chất, vai trò và cấu tạo của quy nạp
- Phân loại quy nạp
- Các phương pháp nghiên cứu quy nạp
- Các lỗi logic trong suy luận quy nạp

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu chính là hình thức suy luận quy nạp cụ thể là bản chất, vai trò và cấu tạo của quy nạp và lỗi

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài này chính là hình thức suy luận quy nạp

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:

- Cơ sở lý luận: Quan điểm logic học hình thức về suy luận, nhất là suy luận quy nạp
- Phương pháp nghiên cứu: tổng hợp, phân tích, khái quát hóa và hệ thống hóa.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn:

- Ý nghĩa lý luận: Suy luận quy nạp có vai trò trong việc nghiên cứu, là cơ sở để nhận thức những tài liệu kinh nghiệm. Là tiền đề bao chứa toàn bộ đối tượng của sự vật được nói đến, từ đó mà có thể rút ra kết luận chung có tính phổ biến về đối tượng.
- Ý nghĩa thực tiễn: Suy luận quy nạp có ý nghĩa quan trọng trong thực tiễn, có thể giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn đề, đặc biệt là các vấn đề cần phải có tư duy logic, đưa ra các lập luận đúng đắn, tránh những tư duy sai lệch.

NỘI DUNG

Phần 1: Phần lý luận:

1.1 Bản chất, vai trò và cấu tạo của quy nạp.

1.1.1. Nguồn gốc và bản chất của quy nạp:

Quy nạp nảy sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn của con người từ nhu cầu khái quát để thu nhận những tri thức về các tính chất chung của các đối tượng của thế giới xung quanh, về các mối liên hệ giữa chúng. Những tri thức chung đã được giải phóng khỏi cái đơn nhất, cụ thể cảm tính, ngẫu nhiên đó rất cần thiết với tư cách là phương tiện tư tưởng để tác động hiệu quả hơn đến giới tự nhiên, đến tổ chức và quản lý đời sống xã hội.

1.1.2. Cấu tạo của quy nạp:

Quy nạp có cấu tạo gồm 3 bộ phận:

- Tiền đề: Nếu ở diễn dịch tiền đề là những phán đoán toàn thể (hoặc bộ phận), không được tất cả là phủ định (như trong tam đoạn luận) và tính chân thực của chúng đã được xác lập chắc chắn, thì ở quy nạp là những phán đoán đơn nhất, đồng chất (hoặc tất cả cùng là khẳng định, hoặc tất cả cùng là phủ định) và chúng có tính chân thực dữ kiện dựa trên sự quan sát kinh nghiệm.
- Kết luận của quy nạp cơ bản phải là phán đoán toàn thể diễn đạt chủ yếu tri thức chung (mặc dù có thể là riêng, về bộ phận các đối tượng của lớp nào đó), trong khi đó kết luận ở diễn dịch có thể là riêng, mà cũng có thể là đơn nhất. Phán đoán ở kết luận cũng phải luôn đồng chất với các phán đoán tiêu đề. Nếu trong diễn dịch kết luận luôn xác thực, khi có các tiền đề chân thực và suy diễn đúng quy tắc, thì trong quy nạp kết luận ấy có thể là xác thực, mà cũng có thể chỉ là xác suất. Trong trường hợp sau mức độ xác suất có thể khác nhau- từ những khái quát có xác suất thấp, gần đúng, đến những khái quát khá chính xác, rất chính xác, gần như là xác thực.

- Cơ sở logic của quy nạp là mối liên hệ logic giữa các tiền đề và kết luận, mối liên hệ đó phản ánh mối liên hệ khách quan giữa cái riêng và cái chung, giữa nguyên nhân và kết quả và chính nó đảm bảo cho thành công việc chuyển từ tri thức về các đối tượng riêng rẽ sang cho lớp, hay từ những lớp ít chung sang lớp chung hơn.

1.1.3. Sự thống nhất quy nạp và diễn dịch:

Nói về sự thống nhất của chúng, quy nạp không đứng riêng, cô lập trong hệ thống các suy luận. Nó gắn liền với diễn dịch. Có thể nói: “không có diễn dịch thiếu quy nạp và ngược lại, không có quy nạp thiếu diễn dịch”. Nếu như không có tri thức chung nhận được bằng con đường quy nạp, thì không thể có diễn dịch dựa trên những tri thức ấy. Đến lượt mình, các suy luận diễn dịch, trong khi cho các tri thức riêng hay đơn nhất, thì cũng cách này hay khác tạo ra cơ sở cho sự nghiên cứu quy nạp tiếp theo về các đối tượng riêng rẽ hay các nhóm của chúng và suy ra, để thu được tri thức chung mới. Có thể nói, tri thức nhân loại không thể tiến bộ, nếu diễn dịch và quy nạp không liên hệ bền chặt với nhau. Điều đó giải thích vì sao mà những ý đồ cường điệu hóa vai trò của một trong hai nhóm suy luận ấy và hạ thấp vai trò của nhóm kia đều là vô căn cứ và không có kết quả. Khi Ph.Bêcơn so sánh tam đoạn luận với “gái đồng trinh vô sinh”, thì tất nhiên, ông đã quá sai. Nhưng cũng là sai đối với những ai đề cao quá vai trò của diễn dịch.

Vì thế ở đây cũng không nên đặt câu hỏi: “nhóm nào có trước-quy nạp hay diễn dịch?”. Với tư cách là những suy luận cơ bản, chúng được định hình đồng thời trong quá trình phát triển của nhận thức loài người. Cơ sở của tính đồng thời ấy ở chỗ, cái riêng không tồn tại trước cái chung hay ngược lại; mối liên hệ và quan hệ không tồn tại trước các đối tượng, hiện tượng và ngược lại.

1.2. Phân loại quy nạp.

Cũng như suy luận diễn dịch, suy luận quy nạp cũng có nhiều loại khác nhau:

- Quy nạp hoàn toàn: là quy nạp thỏa mãn hai điều kiện, thứ nhất, đã nghiên cứu tất cả các phần tử của lớp và thứ hai, đã xác lập được từng phần tử trong số chúng có (hay không có) thuộc tính (hay quan hệ) nào đó.

Quy nạp hoàn toàn, cũng như diễn dịch, có thể mang lại tri thức xác thực. Dĩ nhiên, quy nạp hoàn toàn chỉ chân thực, nếu tất cả các tiền đề đều chân thực và nếu giữa chúng và kết luận có quan hệ kéo theo logic: trong trường hợp này đều đã bao quát được toàn bộ các đối tượng của lớp nghiên cứu và vạch ra được ở từng đối tượng có (hay không có) tính chất cần quan tâm. Nhờ quy nạp hoàn toàn có thể thu được những tri thức khoa học quan trọng có tính phổ biến nhất định: “tất cả hành tinh hệ Mặt Trời đều tự quay quanh trục của mình”... Còn nếu xác lập được là, không phải tất cả các phần tử của lớp có tính chất chung cần quan tâm, thì sự khái quát sẽ mang hình thức của phán đoán bộ phận. Chẳng hạn, “một số kim loại nhẹ hơn nước”, “một số kim loại là chất lỏng”.

Sự khái quát có hình thức không chỉ của phán đoán khẳng định mà còn của phán đoán phủ định.

Nhìn chung quy nạp hoàn toàn thường được dùng nghiên cứu các lớp đối tượng hữu hạn với số lượng xác định. Nó không dùng được cho các lớp vô hạn các đối tượng. Chỉ trừ một số trường hợp nó có thể được dùng để nghiên cứu và là rất nhiều.

- Quy nạp không hoàn toàn là suy luận về toàn bộ lớp đối tượng trên cơ sở nghiên cứu chỉ một phần các đối tượng của lớp ấy

Quy nạp không hoàn toàn được dùng nghiên cứu các lớp có lượng đối tượng bất định, hay vô hạn. Đó là những lớp vô hạn. Nó cũng được dùng nghiên cứu cả những lớp hữu hạn có số lượng tương đối hạn chế. Sở dĩ quy nạp không hoàn toàn có kết luận là do, nếu một tính chất chung nào đó có ở một phần đáng kể của lớp, thì do hiệu lực của tính bản chất của nó, tính chất ấy có thể ở toàn bộ các đối tượng của lớp nói chung.

Quy nạp không hoàn toàn có ý nghĩa nhận thức quan trọng và lớn hơn nhiều so với quy nạp hoàn toàn. Tuy nhiên, quy nạp không hoàn toàn hàm chứa khiếm khuyết cơ bản của nó. Khác với quy nạp hoàn toàn, kết luận ở đây, ngay cả khi tất cả các tiền đề là chân thực, cũng chỉ có thể là xác suất, ở mức độ này hay khác tiệm cận đến gần tri thức xác thực mà thôi. Kết luận quy nạp cũng có thể là tri thức xác thực, nếu nó là phán đoán bộ phận.

Nếu căn cứ vào việc đã giải thích được nguyên nhân và bản chất của đối tượng được khái quát ở kết luận hay chưa, thì quy nạp lại được phân chia tiếp thành hai loại cơ bản là phổ thông và khoa học:

Quy nạp phổ thông thực chất là dựa trên sự liệt kê giản đơn các sự kiện kinh nghiệm, nhưng có thể kết luận khái quát hóa phóng đại.

Quy nạp khoa học khác căn bản so với quy nạp phổ thông ở chỗ các tiền đề là những sự kiện thực nghiệm khoa học chính xác.

1.3. Các phương pháp nghiên cứu quy nạp.

Phương pháp nghiên cứu của suy luận quy nạp gồm có 3 phương pháp chính:

Phương pháp giống nhau: cốt lõi của nó là ở việc so sánh, đối chiếu các sự kiện khác nhau và vạch ra trong chúng sự giống nhau ở một điểm nào đó. Phương pháp này thường được sử dụng trong các khoa học dùng nhiều thí nghiệm, quan sát. Phương pháp này cũng có thể không cho kết quả đáng tin cậy

Phương pháp khác biệt duy nhất: các hiện tượng đã giống nhau trong nhiều quan hệ vẫn có thể khác nhau ở chỗ nào đó, mà sự có hay không những hệ quả này khác rất có thể gắn với sự khác nhau ấy.

Phương pháp này có hiệu lực hơn cả phương pháp giống nhau, vì đây người ta đã không chỉ có quan sát, mà còn tiến hành thí nghiệm chokhar năng tạo ra những điều kiện chuyên biệt. Nhưng ngay cả phương pháp này cũng chỉ cho kết quả xác suất.

Phương pháp biến đổi kèm theo: khi làm thay đổi một bối cảnh, người ta quan sát xem có những thay đổi nào đi kèm với nó. Chẳng hạn, đối với con lắc đồng hồ, nếu chúng ta kéo dài dây nối nó với điểm cố định thì nó dao động chậm lại, kéo dài thêm nữa, dao động càng chậm hơn. Có nghĩa là độ dài xác định của dây lắc là nguyên nhân của một vận tốc dao động xác định của nó.

Phương pháp này cũng được sử dụng rất rộng rãi trong nhận thức. tuy nhiên, kết luận theo phương pháp này cũng chỉ là xác suất.

1.4. Các lỗi trong suy luận quy nạp.

1.4.1. Lỗi nhầm lẫn kéo theo nhân quả với sự kế tiếp theo về thời gian:

Đôi khi người ta cho rằng: “sau cái đó, có nghĩa là do cái đó”, làm cho mối liên hệ nhân quả bị đồng nhất một cách phi lí với tính kế tiếp giản đơn của chúng về thời gian. Mặc dù mối liên hệ nhân quả đều là liên hệ trong thời gian (một cái này có trước cái kia), nhưng không phải mọi liên hệ trong thời gian đều là liên hệ nhân quả. Chẳng hạn, ngày kế tiếp sau đêm, nhưng điều đó không có nghĩa, đêm là nguyên nhân của ngày (cũng như ngược lại). Hoặc: chỉ vì, thấy chim én là nguyên nhân của mùa xuân là sai.

1.4.2. Khái quát vội vàng:

Lỗi này thường xảy ra khi, mới chỉ trên cơ sở của một số sự kiện, nhiều khi là ngẫu nhiên, người ta đã vội khái quát thành kết luận chung. Để tránh sai lầm này, trước khi khái quát cần phải xét càng nhiều trường hợp càng tốt, ở nhiều bối cảnh khác nhau càng hay, xem xét hệ quả giả định điển hình đến mức nào.

Phần 2. Phần liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân

2.1 Liên hệ thực tế:

- *Lỗi logic:* Lỗi nhầm lẫn kéo theo nhân quả với sự kế tiếp theo về thời gian.

Ví dụ: Khi sản xuất ra lương thực, thực phẩm. Một ông chủ của một ông chủ của một cơ sở sản xuất lương thực thực phẩm cho rằng: nếu có phân

bón thì năng suất của sản phẩm sẽ được nâng cao, không có phân bón thì năng suất sẽ giảm thấp và từ đó rút ra kết luận rằng phân bón là nguyên nhân làm cho sản phẩm đạt năng suất cao.

Lỗi logic ở ví dụ trên ông chủ đã mắc lỗi nhầm lẫn kết quả có được năng suất cao là nhờ do phân bón nhưng thực chất để sản phẩm đạt được năng suất cao không chỉ dựa vào mỗi phân bón mà còn dựa vào rất nhiều yếu tố khác: ánh sáng, khí hậu, nhiệt độ... Do đó, kết luận của ông chủ trên không tất yếu đúng.

Ví dụ: Hôm nay Nga và Hà cùng đi siêu thị mua đồ, tiện đi mua đồ Nga và Hà ghé vào tiệm cơm gà. Ăn xong cơm gà, Nga và Hà tiếp tục đi ăn vặt, ăn bánh tráng, ăn xúc xích và ăn chè. Về đến nhà Nga và Hà đều bị đau bụng và Bích – bạn cùng phòng của hai người đã suy luận rằng do Hà và Nga ăn bánh tráng nên đau bụng.

⇒ Ở suy luận trên, Bích đã mắc lỗi nhầm lẫn giữa nguyên nhân này và dẫn đến kết quả, do Hà và Nga ăn rất nhiều đồ ăn nên không thể nào kết luận rằng Hà và Nga bị đau bụng do ăn bánh tráng, điều đó là vô căn cứ, không xác thực, có thể Hà và Nga đã ăn những thứ khác để dẫn đến đau bụng vì vậy suy luận của Bích không tất yếu đúng, Hà và Nga có thể đau bụng do ăn cơm gà, xúc xích hay thậm trí là do ăn chè chứ chưa chắc là do ăn bánh tráng mà đau bụng.

- *Lỗi logic: Khái quát vội vàng*

Ví dụ: Án oan Hàn Đức Long là một vụ án oan xảy ra tại tỉnh Bắc Giang của Việt Nam. Trong vụ án này, ông Hàn Đức Long đã bốn lần bị tòa án cấp sơ thẩm (2 lần) và cấp phúc thẩm (2 lần) tuyên án tử hình, mặc dù tại các phiên tòa này thì ông Long đều kêu oan. Năm 2014, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã xét xử giám đốc thẩm lần hai đối với vụ án này, và tuyên hủy cả bản án hình sự sơ thẩm lần hai và phúc thẩm lần hai, và yêu cầu điều tra lại để làm rõ 6 vấn đề còn mâu thuẫn của vụ án. Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không làm rõ được các vấn đề này nên không đủ

căn cứ buộc tội. Vì vậy, đến ngày 20 tháng 12 năm 2016, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã đình chỉ vụ án và trả tự do cho ông Long.

Ở vụ án trên, ông Long đã bị kết án oan dù nhiều lần minh oan nhưng không được các bên xét xử chấp nhận. Bản án là một sự kết luận vội vàng của hội đồng xét xử. Như diễn biến của vụ án gần 4 tháng sau khi cháu bé 5 tuổi bị hiếp giết rồi vứt xác ngoài cánh đồng, hai mẹ con của một gia đình của thôn này có đơn tố cáo ông Hàn Đức Long từng hiếp dâm mình. Cơ quan điều tra đã bắt Long và Long có khai nhận từng hiếp dâm 2 mẹ con và thú nhận hung thủ giết hại cháu bé. Theo diễn biến vụ án khi ra tòa, bị cáo Long đã kêu oan và khai rằng đã bị đánh đập nhục hình buộc phải nhận tội. Từ bản án trên ta có thể thấy cơ quan điều tra vội vàng khởi tố, bắt giam ông Long mà không có căn cứ xác thực, không có chứng cứ về việc ông Long hiếp rồi giết cháu bé 5 tuổi, và không có chứng cứ cho rằng Long hiếp dâm mẹ con bà K mà chỉ dựa vào mỗi lời khai từ bà K đã vội kết luận ông Long là thủ phạm của cả hai vụ án. Trong vụ án này tòa đã có xu hướng “Trọng cung hơn trọng chứng”.

2.2 Liên hệ bản thân:

Bản thân em là một sinh viên khoa Luật đang học tập và rèn luyện tại Học viện Ngân Hàng thì em thấy phương pháp suy luận quy nạp vô cùng quan trọng. Trong học tập, suy luận quy nạp có thể giúp em giải được các bài tập, đưa ra các lập luận đúng đắn, áp dụng kiến thức vào đời sống giúp em biết phân biệt cái nào đúng, cái nào sai và làm rõ nguyên nhân sự việc, đồng thời giúp nhìn nhận mọi thứ một cách bao quát và chuyên sâu. Sau này vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy kiến thức để áp dụng vào công việc, qua đó ngày càng học hỏi để nâng cao năng lực. Để làm được những điều này thì bản thân em cần phải cố gắng nỗ lực từng ngày từng giờ để tìm tòi, học hỏi và giao lưu với mọi người. Đối với một người học luật thì suy luận là điều rất quan trọng, chỉ cần suy luận sai và kết luận vội vàng đã khiến cho mọi việc đi theo một hướng khác như:

xét xử sai người, án oan 10 năm trời ngồi tù của Nguyễn Thanh Chấn... Để không có án oan như ví dụ vừa rồi thì em nghĩ nền tư pháp cần phải có những người có năng lực thực sự và cần phải bồi dưỡng, tập huấn thêm kiến thức cho cán bộ.

KẾT LUẬN

Qua đề tài “Quy nạp và các lỗi logic trong suy luận quy nạp thông qua các tình huống thực tế” đã phân nào giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về bản chất, nội dung của suy luận quy nạp và các lỗi logic thường gặp. Từ đó đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm khắc phục các lỗi logic trong suy luận quy nạp để áp dụng nó vào thực tiễn cuộc sống. Đồng thời qua các tình huống cụ thể thấy rõ được suy luận quy nạp có thể giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn đề, đặc biệt là các vấn đề cần phải có tư duy logic, đưa ra các lập luận đúng đắn, áp dụng kiến thức vào đời sống, giúp phân biệt được cái nào đúng cái nào sai và làm rõ nguyên nhân sự việc, giúp nhìn nhận mọi thứ một cách bao quát và chuyên sâu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tài liệu Tiếng Việt:

Giáo trình Logic học – Trường Đại Học Quốc Gia Hà Nội

2. Tài liệu online:

Vụ án oan sai của Hàn Đức Long

https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%A5_%C3%A1n_oan_H%C3%A0n_%C4%90%E1%BB%A9c_Long